

Giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long: cơ hội và thách thức

Dương Minh Quang*, Nguyễn Văn Tường, Bạch Thị Ngọc Dung, Nguyễn Hồng Phan



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Giáo dục song ngữ là mô hình giáo dục được áp dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt các quốc gia có đa ngôn ngữ và đa dân tộc. Giáo dục Việt Nam đã có nhiều chính sách được triển khai nhằm xây dựng và thử nghiệm chương trình song ngữ theo định hướng bảo tồn tiếng mẹ đẻ của học sinh (ngôn ngữ thiểu số) nói chung và tiếng Khmer cho học sinh người Khmer nói riêng cũng như phát triển khả năng sử dụng tiếng Việt (ngôn ngữ đa số), hướng tới mục tiêu giúp người học sử dụng thành thạo cả tiếng Việt và tiếng Khmer, và hoàn thiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 04 cán bộ quản lý và 06 giáo viên trực tiếp quản lý và giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ nhằm tìm hiểu thực trạng về những cơ hội và thách thức giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại 03 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu cho thấy các cơ hội về việc phát triển ngôn ngữ tiếng Khmer - Việt; bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc Khmer và tăng cường kết nối đa văn hóa dân tộc Khmer cho học sinh tiểu học. Mặt khác, kết quả cũng chỉ ra các thách thức như đội ngũ giáo viên, tài liệu giảng dạy và thời lượng giảng dạy tiếng Khmer. Các thảo luận cho nghiên cứu cũng được phân tích trong bài viết.

Từ khóa: giáo dục song ngữ, cơ hội và thách thức, tiếng Khmer - Việt, học sinh tiểu học

ĐẶT VẤN ĐỀ

“Giáo dục song ngữ” là thuật ngữ đề cập tới mô hình giáo dục, trong đó người học không chỉ học ngôn ngữ mà còn được học nội dung và các kỹ năng khác thông qua ngôn ngữ đó; nói cách khác, ngôn ngữ đích được sử dụng làm phương tiện để cung cấp nội dung của chương trình giảng dạy¹. Với sự hình thành các xã hội đa văn hóa và vai trò không thể thay thế của ngôn ngữ trong các nền văn hóa đó - hơn 50% dân số thế giới là người song ngữ², giáo dục song ngữ trở nên quan trọng trong việc thúc đẩy giao tiếp và hiểu biết lẫn nhau. Từ đó đến nay, giáo dục song ngữ được triển khai theo nhiều phương thức khác nhau với mục tiêu giáo dục và chính sách ngôn ngữ khác nhau ở các quốc gia trên thế giới.

Các nghiên cứu cũng nhận thấy việc giáo dục song ngữ tiếng mẹ đẻ - tiếng Việt, dạy tiếng dân tộc như một môn học nhằm phát triển ngôn ngữ cho học sinh dân tộc thiểu số là vấn đề căn bản để phát triển giáo dục vùng dân tộc, giúp học sinh có cơ hội phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục³. Hiện tại, Việt Nam đã có một số nghiên cứu liên quan đến giáo dục song ngữ cho học sinh các dân tộc thiểu số (tiếng Việt - tiếng dân tộc thiểu số) do UNICEF và Oxfarm hỗ trợ đạt được một số kết quả khả quan. Bên cạnh đó,

nằm bắt được yêu cầu và xu thế hội nhập, Việt Nam đã có những chính sách để tăng cường khả năng ngoại ngữ cho cộng đồng như đưa tiếng Anh vào giáo dục từ bậc tiểu học, thực hiện Đề án Tăng cường năng lực ngoại ngữ, đưa Khung năng lực sáu bậc vào kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học. Tuy nhiên, tình hình thực tế và kết quả của việc phát triển ngoại ngữ chưa thực sự khả quan do nhiều nguyên nhân như: các môn học vẫn được dạy chủ yếu bằng tiếng mẹ đẻ, ngoại ngữ được đưa vào như một môn học vì vậy không có sự tương tác và thực hành ngoại ngữ ở các kỹ năng, môn học khác¹.

Trong hơn một thập kỷ trở lại đây, giáo dục Việt Nam đã có nhiều chính sách được triển khai nhằm xây dựng và thử nghiệm chương trình song ngữ theo định hướng bảo tồn tiếng mẹ đẻ của học sinh (tiếng dân tộc thiểu số) và phát triển khả năng sử dụng tiếng Việt (ngôn ngữ hành chính tại Việt Nam), hướng tới mục tiêu giúp người học sử dụng thành thạo cả tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ, hoàn thiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học⁴. Theo chương trình này, tiếng Việt được giảng dạy như ngôn ngữ thứ hai ở bậc mầm non, lớp 1 và lớp 2; trong khi đó, tiếng mẹ đẻ của học sinh (tiếng dân tộc thiểu số) là ngôn ngữ giảng dạy chính. Khi chuyển sang giai đoạn từ lớp 3 đến lớp 5 (03 năm), tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của học sinh được sử dụng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Dương Minh Quang, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: duongminhquang@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 12-05-2025
- Ngày sửa đổi: 14-11-2025
- Ngày chấp nhận: 09-03-2026
- Ngày đăng: x

DOI: x



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Quang D M, Tường N V, Dung B T N, Phan N H. **Giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long: cơ hội và thách thức.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; 10(2):xxxx-xxxx.

song song. Kết thúc bậc tiểu học, học sinh dân tộc thiểu số có khả năng đọc và viết bằng cả hai ngôn ngữ, đạt chuẩn kiến thức theo chương trình quốc gia⁵. Hiện nay việc duy trì và phát triển bền vững các chính sách giáo dục song ngữ trong các cơ sở giáo dục đóng vai trò rất quan trọng để hiện thực hóa từ chính sách đến thực tiễn triển khai, nhưng hầu hết các nghiên cứu cho thấy vẫn còn nhiều bất cập trong việc triển khai. Chính phủ Việt Nam quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giáo dục mầm non vùng dân tộc thiểu số bằng Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ vùng dân tộc thiểu số. Đề án này ra đời với mục đích giảm bớt rào cản ngôn ngữ khi trẻ đến trường và sẵn sàng vào học chương trình lớp 1 tiểu học, giảm thiểu khó khăn đối với trẻ dân tộc thiểu số và góp phần duy trì, bảo tồn ngôn ngữ, bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, đề án cũng gặp thách thức về nhiều phương diện⁶.

Cộng đồng dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long sống tập trung ở 02 tỉnh: Sóc Trăng và Trà Vinh. Ngoài ra, đồng bào Khmer xuất hiện rải rác ở một số huyện thuộc các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, v.v.⁷ Riêng tỉnh Sóc Trăng có tỷ lệ dân tộc Khmer định cư đông nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long, thậm chí cả nước⁷. Tiếp nối các công trình nghiên cứu trước đó, trên cơ sở hệ thống hóa lý luận, nhóm nghiên cứu phỏng vấn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhằm tập trung làm rõ một số cơ hội cũng như thách thức trong việc giáo dục song ngữ cho học sinh người dân tộc Khmer ở một số trường tiểu học tại 03 tỉnh An Giang, Trà Vinh và Sóc Trăng của Đồng bằng sông Cửu Long. Bài viết nhằm trả lời cho 02 câu hỏi nghiên cứu sau:

(1) Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhận định như thế nào về các cơ hội giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh dân tộc Khmer ở một số trường tiểu học tại Đồng bằng sông Cửu Long?

(2) Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhận định như thế nào về các thách thức giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh dân tộc Khmer ở một số trường tiểu học tại Đồng bằng sông Cửu Long?

CƠ SỞ LÝ LUẬN

Giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ là một phương pháp tiếp cận giáo dục dựa trên cơ sở khoa học giáo dục. Kết quả các nghiên cứu cho thấy giáo

dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, trong đó ngôn ngữ mẹ đẻ sẽ được sử dụng làm phương tiện giảng dạy chính cho toàn bộ học sinh trong nhà trường, trong khi ngôn ngữ thứ 2 được giới thiệu như một môn học riêng để chuẩn bị cho học sinh chuyển tiếp sang một số môn học thuật bằng ngôn ngữ thứ 2. Theo Paulston định nghĩa, giáo dục song ngữ là quá trình người dạy sử dụng 02 ngôn ngữ làm phương tiện giảng dạy cho cùng một nhóm học sinh trong một chương trình được tổ chức gồm một phần hoặc toàn bộ chương trình liên quan đến tiếng mẹ đẻ⁸. Bên cạnh đó, Cambridge Assessment International Education cho rằng, giáo dục song ngữ dùng để chỉ việc sử dụng 02 hoặc nhiều ngôn ngữ làm phương tiện giảng dạy cho các môn học⁹.

Nghiên cứu của Ball cho thấy, các chương trình giáo dục song ngữ và đa ngữ đã và đang được triển khai ở nhiều quốc gia trên thế giới; trong khi đó, những hiểu biết về việc tiếp thu lý thuyết song ngữ hay đa ngữ, cùng với các mục tiêu khác nhau cho sự phát triển ngôn ngữ của học sinh, đã cung cấp cơ sở để phát triển và thử nghiệm một loạt mô hình giáo dục ngôn ngữ¹⁰. Nghiên cứu của Lueng và Griva, Chostelidou, Ypsilanti và Iliadou đưa ra một số mô hình giáo dục song ngữ hiện đang áp dụng trong các cơ sở giáo dục trên thế giới, bao gồm: (1) *Mô hình giáo dục song ngữ 02 chiều* (two-way bilingual education); (2) *Mô hình giáo dục song ngữ chuyển tiếp* (transitional bilingual education); (3) *Mô hình học tích hợp ngôn ngữ và nội dung* (content and language integrated learning); (4) *Mô hình song song* (a type of dual track programme); (4) *Giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ* (Mother tongue-based bilingual education); (5) *Mô hình song song* (a type of dual track programme); (6) *Giáo dục song ngữ duy trì* (Maintenance bilingual education); (7) *Mô hình học đa ngữ* (dual language); (8) *Giáo dục song ngữ phát triển* (developmental bilingual education); (9) *Mô hình song ngữ* "Nhúng", v.v.^{11,12}

Trong phạm vi bài viết này, nhóm nghiên cứu sử dụng *Mô hình giáo dục song ngữ 02 chiều* (two-way bilingual education) - ở đó người giảng dạy sẽ sử dụng 02 ngôn ngữ (ngôn ngữ thiểu số và ngôn ngữ đa số) làm phương tiện truyền tải kiến thức đến người học thông qua phương pháp giảng dạy tích hợp ngôn ngữ của cả học sinh nói ngôn ngữ thiểu số và ngôn ngữ đa số trong hầu hết thời gian trong ngày. Theo nghiên cứu của Thomas và Collier, và Christian cho thấy, đây là mô hình tích hợp học sinh nói tiếng đa số và học sinh nói tiếng thiểu số trong cùng một môi trường; học sinh tham gia chương trình giáo dục song ngữ 02 chiều thường đạt kết quả học tập cao hơn so với các mô hình giáo dục song ngữ khác, đặc biệt về khả năng đọc và viết ở cả hai ngôn ngữ^{13,14}. Mục tiêu của mô

⁵Sau ngày 1/7/2025, địa giới hành chính đã được thay đổi, cụ thể: tỉnh An Giang (gồm tỉnh An Giang và Kiên Giang), thành phố Cần Thơ (bao gồm thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang), tỉnh Cà Mau (bao gồm tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu), tỉnh Vĩnh Long (bao gồm tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh).

hình này nhằm giúp học sinh thành thạo ngôn ngữ thứ 2, duy trì và phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ, đạt thành tích học tập ngang bằng hoặc cao hơn so với mô hình một ngôn ngữ và phát triển năng lực liên văn hóa, tôn trọng sự đa dạng^{13,14}. Mô hình giáo dục song ngữ 02 chiều không chỉ phát triển năng lực ngôn ngữ kép mà còn là chiến lược giáo dục công bằng và đa văn hóa, góp phần bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa thiểu số, ngăn chặn nguy cơ mất ngôn ngữ, tạo môi trường giao thoa và tôn trọng lẫn nhau giữa các nhóm cộng đồng, giảm tình trạng bất bình đẳng trong giáo dục, vì học sinh thiểu số được học bằng chính ngôn ngữ của mình. Đây là mô hình được chứng minh hiệu quả trên thế giới và có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam, nơi nhiều học sinh dân tộc thiểu số cần được hỗ trợ để vừa hội nhập ngôn ngữ quốc gia, vừa giữ gìn tiếng mẹ đẻ.

Từ những nhận định trên, nhóm nghiên cứu tập trung vào cơ hội (như phát triển ngôn ngữ; bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa của dân tộc Khmer; tăng cường kết nối đa văn hóa dân tộc Khmer), và thách thức (như đội ngũ giáo viên giảng dạy; tài liệu giảng dạy; và thời lượng giảng dạy tiếng Khmer) của hoạt động giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học dân tộc Khmer, nhằm tìm hiểu những nhân tố mới bên cạnh kế thừa các nghiên cứu trước để làm phong phú thêm lý luận và thực tiễn cho vấn đề nghiên cứu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn 02 cán bộ quản lý cấp Phòng Giáo dục và Đào tạo (được mã hóa thành CBQL 01 đến CBQL 02) và 02 cán bộ quản lý tại các trường tiểu học (được mã hóa thành CBQL 03 đến CBQL 04) - những người trực tiếp phụ trách quản lý chương trình giáo dục tiếng Khmer - tiếng Việt. Cùng với đó, nhóm nghiên cứu thực hiện phỏng vấn với 06 giáo viên trực tiếp giảng dạy chương trình giáo dục tiếng Khmer - tiếng Việt (được mã hóa thành GV 01 đến GV 06) tại một số trường tiểu học có học sinh dân tộc Khmer đang học tập tại 03 tỉnh An Giang, Trà Vinh và Sóc Trăng của Đồng bằng sông Cửu Long^b trong khoảng thời gian tháng 5 năm 2025. Nội dung phỏng vấn các đối tượng tập trung vào cơ hội và thách thức trong việc giảng dạy ngôn ngữ, bảo tồn các giá trị văn hóa Khmer, kết nối cộng đồng, vấn đề học liệu cho chương trình giáo dục song ngữ, đội ngũ giảng dạy, v.v. Sau khi thu thập dữ liệu từ phỏng vấn, nhóm nghiên cứu tiến hành mã hóa các đối tượng tham gia trả lời, gỡ băng, so sánh và

^bSau ngày 1/7/2025, địa giới hành chính đã thay đổi, cụ thể: tỉnh An Giang gồm tỉnh An Giang và Kiên Giang trước đây, tỉnh Sóc Trăng thuộc thành phố Cần Thơ và tỉnh Trà Vinh thuộc tỉnh Vĩnh Long.

đối chiếu nội dung kết quả phỏng vấn, hệ thống chúng theo các cơ hội và thách thức đã được xây dựng trước đó để đánh giá và phân tích.

Nhóm nghiên cứu đã được thông qua việc xét duyệt đạo đức nghiên cứu với các nội dung phù hợp đúng mục tiêu đặt ra cho nghiên cứu này. Trước khi thực hiện phỏng vấn các đối tượng, nhóm nghiên cứu đã thông tin đầy đủ mục đích - yêu cầu đến các đối tượng là nội dung phỏng vấn chỉ xử lý cho mục đích học thuật, thông tin cá nhân sẽ được mã hóa ẩn danh, cũng như việc từ chối bất kỳ câu hỏi hay rút khỏi cuộc phỏng vấn. Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn các đối tượng từ 45 đến 60 phút thông qua hệ thống trực tuyến trong khoảng thời gian là tháng 5/2025.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Kết quả các công trình nghiên cứu trước cho thấy những thuận lợi trong việc giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh dân tộc Khmer, như việc các cấp lãnh đạo từ trung ương đến địa phương và các trường đã quan tâm đến công tác giáo dục tiếng dân tộc thiểu số giáo viên trực tiếp giảng dạy hiểu biết về phong tục, tập quán, văn hóa của đồng bào dân tộc; học sinh có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số nói chung và tiếng Khmer nói riêng, v.v. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại những khó khăn, như nhu cầu học tiếng Khmer khá nhiều, tuy nhiên nguồn giáo viên đủ chuẩn hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh tiểu học dân tộc thiểu số Khmer học sinh dân tộc thiểu số Khmer còn yếu về ngôn ngữ tiếng Việt nên kết quả học tập chưa cao; sách giáo khoa tiếng dân tộc thiểu số thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, như sách giáo khoa tiếng Khmer, là chưa kịp thời, v.v.¹⁵⁻¹⁷. Trong phạm vi bài viết này, nhóm nghiên cứu tập trung vào cơ hội và thách thức của hoạt động giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Cơ hội về giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Đối với việc phát triển ngôn ngữ Khmer - Việt cho học sinh tiểu học, các nghiên cứu cho thấy giáo dục song ngữ giúp học sinh phát triển nền tảng ngôn ngữ vững chắc với khả năng sử dụng một cách linh hoạt 02 ngôn ngữ (ngôn ngữ thiểu số tiếng Khmer và ngôn ngữ đa số tiếng Việt) trong giao tiếp, tăng cường khả năng tư duy và tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả hơn, cải thiện trình độ ngôn ngữ thiểu số và phát triển ngôn ngữ đa số; do đó, mở rộng cơ hội đào tạo và tìm kiếm

việc làm, tạo thêm thu nhập^{12,18}. Kết quả phỏng vấn sâu một giáo viên (GV 02) cho biết:

Việc giảng dạy và học tập chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer - tiếng Việt cho học sinh người Khmer cũng đã thực hiện khá lâu tại địa phương nhằm giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho các em như nghe, nói, đọc và viết tiếng Khmer và tiếng Việt; qua đó giúp cho các em biết được ngôn ngữ của dân tộc mình ... và sử dụng chúng cho những hoạt động trong cộng đồng có ý nghĩa hơn và tạo điều kiện mở rộng mối quan hệ với người Việt.

Mặt khác, một cán bộ quản lý cho biết thêm (CBQL 04):

Việc giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ hiện nay tại nhà trường cho đối tượng học sinh thiểu số người Khmer sẽ giúp tăng cường khả năng giao tiếp, mở rộng tầm nhìn văn hóa, và phát triển tư duy linh hoạt giữa ngôn ngữ thiểu số của cộng đồng các em và ngôn ngữ đa số tiếng Việt... qua đó sẽ tạo điều kiện để các em mở rộng mối quan hệ với nhiều cộng đồng trên cơ sở phát triển được ngôn ngữ.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển ngôn ngữ cho học sinh thiểu số đóng vai trò rất quan trọng, bởi ngôn ngữ không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là nền tảng tiếp thu tri thức, hình thành tư duy, phát triển nhân cách và bảo tồn bản sắc văn hóa. Việc hỗ trợ học sinh thiểu số phát triển song song cả tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia là yếu tố cốt lõi để bảo đảm công bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và gìn giữ sự đa dạng văn hóa của xã hội.

Đối với việc bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa của dân tộc Khmer cho học sinh tiểu học, các kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc không những giúp các em tiếp thu tốt kiến thức, phát triển ngôn ngữ, mà còn bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa của dân tộc Khmer^{3,19}. Ngoài ra, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với môn tiếng Khmer cũng đã chỉ rõ mục tiêu, nội dung, phương thức và điều kiện thực hiện rất chi tiết, cụ thể và rõ ràng²⁰. Kết quả phỏng vấn một cán bộ quản lý (CBQL 02) cho biết:

Theo tôi, việc giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ nói chung hay tiếng dân tộc thiểu số nói riêng... như tiếng Khmer thì ngoài việc giúp nhà trường hoàn thành mục tiêu quốc gia về giáo dục tiếng dân tộc cho cộng đồng dân tộc thiểu số hay giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất theo chương trình đào tạo... mà còn giúp bảo tồn, duy trì và phát triển ngôn ngữ cũng như bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số Khmer nhưng muốn làm được này thì cần thực hiện ngay cho học sinh bậc tiểu học.

Mặt khác, một cán bộ quản lý khác cho biết thêm (CBQL 03):

Việc giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer tại các trường tiểu học tại các địa bàn đồng dân cư người Khmer sinh sống không chỉ có mục tiêu hoàn thành chương trình như mục tiêu đặt ra hay để phục vụ ngay cho hoạt động hằng ngày của các em trong sinh hoạt chung với cộng đồng... thì việc bảo tồn ngôn ngữ và các giá trị văn hóa lâu đời của người Khmer mới quan trọng và phục vụ cho mục tiêu phát triển cộng đồng dân tộc thiểu số bền vững.

Nhìn chung, từ kết quả của các nghiên cứu trước và kết quả phỏng vấn cho thấy, chương trình giáo dục song ngữ có lợi ích về nhiều phương diện, như đáp ứng mục tiêu quốc gia về chương trình, đáp ứng nhu cầu cuộc sống và sinh hoạt. Trong đó, việc bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa của dân tộc Khmer đóng vai trò rất quan trọng. Việc chương trình giáo dục song ngữ được tiến hành ngay từ trình độ tiểu học là hợp lý, hướng đến đảm bảo công bằng chính sách dân tộc của quốc gia.

Đối với việc tăng cường kết nối đa văn hóa dân tộc Khmer cho học sinh tiểu học, các kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc còn mang lại cơ hội cho các em hiểu rõ hơn về văn hóa, lối sống và giá trị của các cộng đồng đa số²¹. Điều này giúp học sinh phát triển tư duy cởi mở, tôn trọng sự đa dạng và dễ dàng hòa nhập cộng đồng đa số trong cùng lãnh thổ. Kết quả phỏng vấn một giáo viên (GV 05) cho biết:

Thông qua việc giảng dạy chương trình này tôi nhận thấy các em học sinh cảm thấy tự tin hơn trong giao tiếp và mở rộng tham gia các hoạt động giao lưu với các bạn trong cùng trường... mặc dù các em các bạn tương tác không theo học chương trình song ngữ tiếng Khmer. Ngoài ra, khi tham gia các hoạt động lễ hội, tết của dân tộc Kinh các em cũng hòa chung không khí như các ngày lễ tết của dân tộc mình.

Mặt khác, một cán bộ quản lý khác cho biết thêm (CBQL 01):

Một số em học sinh khi tham gia chương trình học này tôi thấy rất tích cực và chủ động và hòa đồng tham gia nhiều hoạt động chung với các bạn không tham gia chương trình giáo dục song ngữ này hay chương trình giáo dục tiếng dân tộc thiểu số... tôi đánh giá là các em tự tin và mạnh dạn hơn vì các em được học và hiểu về những kiến thức văn hóa, lịch sử và tập quán của nhau.

Tựu trung, kết quả nghiên cứu cho thấy việc tăng cường kết nối đa văn hóa dân tộc là một trong những con đường phát triển quan trọng và tất yếu trong bối cảnh hiện nay. Bởi nó không chỉ dừng lại ở việc giao

lưu, chia sẻ giá trị truyền thống giữa các cộng đồng dân tộc, mà còn là quá trình tái cấu trúc môi trường học tập và xã hội theo hướng công bằng, tôn trọng và khuyến khích sự đa dạng, đảm bảo rằng mọi cộng đồng dân tộc đều vừa được tôn trọng, vừa được trao cơ hội bình đẳng trong quá trình phát triển; qua đó giúp người học phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác và thích ứng trong một xã hội đa dạng về ngôn ngữ, văn hóa và giá trị.

Thách thức về giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long

Về đội ngũ giáo viên giảng dạy tiếng Khmer, kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn giáo viên giảng dạy tiếng dân tộc chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản nên việc dạy không đảm bảo chất lượng. Ngoài ra, năng lực tiếng dân tộc của giáo viên còn hạn chế (chưa nghe, nói, đọc, viết thành thạo tiếng dân tộc thiểu số nói chung và tiếng Khmer nói riêng). hướng pháp dạy học song ngữ chưa được trang bị cho giáo viên nên không đáp ứng được yêu cầu dạy và học song ngữ³. Kết quả phỏng vấn một cán bộ quản lý (CBQL 03) cho biết:

... Theo tôi, đây là bài toán khó cho nhà trường chúng tôi nói riêng cũng như những nơi khác nói chung về chất lượng đội ngũ tham gia giảng dạy chương trình giáo dục song ngữ rất hạn chế... mặc dù, hiện nay vẫn còn việc lựa chọn con em người Khmer sau tốt nghiệp THPT để đi đào tạo sư phạm nhưng cũng có một số yếu tố nên lực lượng kế cận việc đào tạo tại các trường còn gặp nhiều khó khăn.

Mặt khác, một giáo viên cho biết thêm (GV 03):

...Mặc dù nhà trường có chương trình tập huấn hằng năm để bồi dưỡng về nội dung, phương pháp giảng dạy nhưng việc giảng dạy trực tiếp trên lớp vẫn còn gặp nhiều khó khăn như khả năng giữa 02 ngôn ngữ tiếng Khmer và tiếng Việt của đội ngũ giáo viên.

Nhìn chung, chất lượng chuyên môn và năng lực song ngữ của đội ngũ giáo viên tham gia chương trình giáo dục song ngữ 02 chiều là nhân tố trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả học tập dài hạn của học sinh dân tộc thiểu số trong các chương trình song ngữ. Bởi lẽ giáo viên không chỉ là người truyền đạt tri thức, mà còn là tác nhân xã hội - văn hóa, có khả năng tạo ra môi trường học tập bình đẳng, khuyến khích học sinh sử dụng và phát triển song song cả ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ quốc gia. Do đó, việc đầu tư vào tuyển chọn, đào tạo, và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chính là điều kiện tiên quyết để chương trình giáo dục song ngữ 02 chiều thành công, từ đó đạt được các mục tiêu về công bằng, chất lượng và hội nhập trong giáo dục.

Về tài liệu giảng dạy tiếng Khmer, kết quả nghiên cứu cho thấy Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số trong nhà trường với nhiều mục đích khác nhau^{3,20} nhưng tài liệu dạy học môn tiếng Khmer chưa được ban hành và áp dụng chính thức trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Kết quả phỏng vấn một cán bộ quản lý (CBQL 01) cho biết:

Hiện nay các trường tiểu học trên địa bàn chúng tôi vẫn sử dụng bộ sách/tài liệu được biên soạn trước đó... trước Chương trình giáo dục phổ thông 2018; mặc dù trong Chương trình 2018 có môn tiếng Khmer nhưng chưa có sách giáo khoa chính thức nên chúng tôi chỉ có thể tổ chức tập huấn về phương pháp dạy học và cách thức tổ chức, kiểm tra đánh giá theo chương trình mới còn nội dung vẫn dùng theo tài liệu cũ trước đây...

Mặt khác, một giáo viên cho biết thêm (GV 05):

...Chúng tôi chủ yếu được tập huấn về phương pháp dạy học, cách thức tổ chức các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp cũng như đánh giá kết quả học tập cho học sinh theo Chương trình 2018 còn về sách giáo khoa hay tài liệu giảng dạy thì giáo viên chúng tôi vẫn sử dụng tài liệu đã được biên soạn trước đây.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy việc biên soạn sách giáo khoa hay tài liệu giảng dạy đã được Chính phủ phê duyệt, và ngay trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn tiếng Khmer cũng nêu rất rõ về nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, đến hiện nay, các tài liệu ấy vẫn chưa được xuất bản. Vì vậy, vấn đề này cần thực hiện mạnh mẽ và quyết liệt hơn để chương trình mang lại kết quả tốt hơn.

Về thời lượng giảng dạy tiếng Khmer, kết quả nghiên cứu cho thấy hiện nay thời lượng giảng dạy tiếng Khmer cho học sinh tiểu học dân tộc Khmer trong các trường tiểu học với 350 tiết trong 05 năm, mỗi năm 70 tiết, mỗi tuần 02 tiết²⁰. Thời lượng 02 tiết/tuần là không nhiều đối với việc rèn luyện các kỹ năng cho một ngôn ngữ, dù đó là ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ (tiếng Khmer), bên cạnh đó là việc tích lũy khối kiến thức về toán học, lịch sử, khoa học, v.v. Kết quả phỏng vấn một giáo viên (GV 06) cho biết:

... Để đảm bảo việc giảng dạy cho học sinh phát triển ngôn ngữ tiếng Khmer qua 04 kỹ năng như nghe, nói, đọc, viết trong 01 tuần với 02 tiết đã cũng là một khó khăn cho giáo viên chúng tôi; bên cạnh đó, các em cũng có những khó khăn trong tiếp nhận kiến thức khác như Toán học, Lịch sử, phong tục tập quán bằng tiếng Khmer của những môn học khác trong chương trình song ngữ tiếng Việt: Khoa học, Toán học... Với thời lượng như hiện nay chúng tôi rất khó khăn để tổ

chức đa dạng các hoạt động cho các em trong chương trình này.

Mặt khác, một giáo viên khác cho biết thêm (GV 01): ... Đó là thời gian rất áp lực cho đội ngũ giáo viên chúng tôi vừa dạy các môn học trong chương trình mà phải vừa giúp các em phát triển thêm 01 ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ nhằm đạt mục tiêu đề ra... do đó, tạo áp lực lên học sinh vì cùng một lúc phải học cả 02 ngôn ngữ tiếng Khmer và tiếng Việt cũng như áp lực đến giáo viên làm sao để dạy được cùng một lúc cho 02 ngôn ngữ cũng như các kiến thức khác trong chương trình.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy, thời lượng giảng dạy tiếng Khmer cho học sinh tiểu học dân tộc Khmer đang là thách thức không nhỏ đối với đội ngũ giáo viên, khi phải cùng một lúc phát triển 04 kỹ năng của cả hai ngôn ngữ tiếng Khmer và tiếng Việt, cũng như kiến thức của các môn học khác trong chương trình này. Do đó, chúng ta cần xem xét và điều chỉnh thời gian sao cho hài hòa giúp cho trẻ vừa theo kịp chương trình giáo dục tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo vừa phát triển được ngôn ngữ tiếng Khmer; qua đó mang lại kết quả thực sự của chương trình giáo dục song ngữ tiếng Khmer và tiếng Việt.

Một số khuyến nghị cho vấn đề nghiên cứu

Việc cải thiện giáo dục song ngữ Khmer - Việt không chỉ là vấn đề ngôn ngữ, mà là chiến lược bảo tồn văn hóa, thúc đẩy công bằng học tập và hội nhập xã hội. Do đó, các chính sách cần tích hợp hệ thống, có lộ trình rõ ràng, và phải gắn với sự vào cuộc của các cơ quan trung ương - địa phương - cộng đồng. Nghiên cứu để xuất một vài khuyến nghị như sau:

- *Xây dựng khung chương trình và chuẩn giáo dục song ngữ Khmer - Việt:* Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và chuyên gia ngôn ngữ Khmer để xây dựng chương trình học ngôn ngữ Khmer như ngôn ngữ thứ nhất ở bậc tiểu học cho người Khmer và lồng ghép tiếng Việt trong các môn học phù hợp để tăng năng lực học tập chung;

- *Chuẩn hóa và phát triển học liệu song ngữ:* Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Sở Giáo dục và Đào tạo, và các trường đại học đào tạo các ngành Khmer học cần biên soạn sách giáo khoa, tài liệu học tiếng Khmer cho học sinh tiểu học, đồng thời phát triển học liệu số (video, audio, e-book) bằng hình thức song ngữ Khmer - Việt, có giọng bản địa;

- *Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên song ngữ Khmer - Việt:* Các trường đại học đào tạo chuyên ngành, như Trường Đại học Trà Vinh, Đại học Cần Thơ, cần phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để tổ chức các khóa

đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho giáo viên biết tiếng Khmer, tạo học bổng sư phạm Khmer cho học sinh người Khmer tốt nghiệp trung học phổ thông.

- *Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - cộng đồng - chùa Khmer:* Ban Tôn giáo địa phương, Hội đoàn Khmer, và nhà trường cần phối hợp tổ chức các lớp học tiếng Khmer vào giai đoạn hè tại chùa (giáo dục không chính quy), mời các bậc sư sãi và chuyên gia có uy tín giảng dạy văn hóa Khmer trong trường học.

KẾT LUẬN

Giáo dục song ngữ được xem là một trong những phần thiết yếu trong việc nuôi dưỡng bản sắc văn hóa của học sinh và mở rộng “bối cảnh lựa chọn” xã hội của họ. Mặt khác, giáo dục song ngữ hỗ trợ sự phát triển quyền tự quyết của học sinh và tạo điều kiện tiếp cận với bản sắc văn hóa mới mà không gây tổn hại đến bản sắc cá nhân và văn hóa của họ. Giáo dục song ngữ đối với dân tộc Khmer ở Việt Nam đã được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm giáo dục trong trường phổ thông, giáo dục trong các cơ sở giáo dục thường xuyên và giáo dục trong cộng đồng với mục đích bảo tồn và phát triển vốn ngôn ngữ tiếng Khmer, duy trì bản sắc văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số Khmer và hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy những cơ hội (như phát triển ngôn ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học ào tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc Khmer cho học sinh tiểu học; và tăng cường kết nối đa văn hóa dân tộc Khmer cho học sinh tiểu học) và thách thức (đội ngũ giáo viên giảng dạy tiếng Khmer; tài liệu giảng dạy tiếng Khmer; và thời lượng giảng dạy tiếng Khmer) của hoạt động giáo dục song ngữ tiếng Khmer - Việt cho học sinh tiểu học dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long. Từ những kết quả nghiên cứu cho thấy ngành giáo dục Việt Nam cần phát huy các cơ hội đang có và tập trung khắc phục các thách thức đặt ra hiện nay, như cần đẩy mạnh công tác quy hoạch và đào tạo đội ngũ giáo viên kế cận trực tiếp giảng dạy chương trình song ngữ; xúc tiến nhanh việc xuất bản sách giáo khoa/tài liệu tiếng Khmer chính thức áp dụng trong các cơ sở giáo dục tiểu học giảng dạy cho đồng bào Khmer; và cuối cùng dung hòa thời lượng giảng dạy tiếng Khmer với việc giảng dạy tiếng Việt cũng như các môn học trong chương trình nhằm đạt mục tiêu của chương trình giáo dục song ngữ đặt ra.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số B2024-18b-03.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBQL: cán bộ quản lý

GV: giáo viên

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Dương Minh Quang đã hình thành và khái niệm hóa nghiên cứu và viết bản thảo bài viết. Các tác giả Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hồng Phan giám sát và thu thập dữ liệu nghiên cứu. Tác giả Bạch Thị Ngọc Dung phân tích dữ liệu thu thập. Tất cả các tác giả đã xem xét và phê duyệt bản thảo cuối cùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lan NTM, Nga NT. Giáo dục song ngữ: Lựa chọn mô hình của các nước Châu Á. *Journal of Science*. 2019;64(7):3–11. Available from: <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2019-0085>.
2. Ansaldo AI, Marcotte K, Scherer L, Raboyeau G. Language therapy and bilingual aphasia: clinical Implications of psycholinguistic and neuroimaging research. *Journal of Neurolinguistics*. 2008;21(6):539–57. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.jneuroling.2008.02.001>.
3. Đức Đà H, Yên TT, Hà CV. Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ em người dân tộc thiểu số trong giáo dục: Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn. *Khoa học giáo dục Việt Nam*. 2019;17:83–88.
4. Unicef & Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ: Cải thiện bình đẳng và chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc ở Việt Nam; 2012. Available from: https://www.unicef.org/vietnam/vi/Edu_Pro_Brief_3_web_vn.pdf.
5. Hà NTT, Nga NT. Đào tạo song ngữ cấp tiểu học: Góc nhìn người trong cuộc. *Nghiên cứu Nước ngoài*. 2018;34(3):1–10.
6. Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Tái khởi động chương trình giáo dục song ngữ dành cho học sinh dân tộc; 2021. Available from: <http://www.cema.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/y-te-giao-duc/tai-khoi-dong-chuong-trinh-giao-duc-song-ngu-danh-cho-hoc-sinh-dan-toc.htm>.
7. Việt TT. Thực trạng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. (Luận án tiến sĩ); 2021.
8. Paulston CB. *Bilingual education: Theories and issues*. Rowley: Newbury House; 1980.
9. Cambridge Assessment International Education. *Bilingual learners and bilingual education*. 2017; Available from: <https://www.cambridgeinternational.org/Images/271190-bilingual-learners-and-bilingual-education.pdf>.
10. Ball J. Educational equity for children from diverse language backgrounds: Mother tongue-based bilingual or multilingual education in the early years. Presentation to UNESCO International Symposium: Translation and Cultural Mediation. Paris: UNESCO; 2010. p. 22–23.
11. Leung C. Language and content in bilingual education. *Linguistics and Education*. 2005;16(2):238–52. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.linged.2006.01.004>.
12. Griva E, Chostelidou D, Ypsilanti A, Iliadou S. Students Attending a Bilingual Primary School: A Record of a Language Biography. *Procedia: Social and Behavioral Sciences*. 2014;116:1319–23. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2014.01.390>.
13. Christian D. Two-way immersion education: students learning through two languages. *Modern Language Journal*. 1996;80(1):66–76.
14. Thomas WP, Collier VP. A national study of school effectiveness for language minority students' long-term academic achievement. Santa Cruz (CA): Center for Research on Education, Diversity & Excellence; 2002.
15. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang. Báo cáo về thực trạng dạy học tiếng dân tộc thiểu số; 2025.
16. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng. Báo cáo thực trạng dạy học tiếng dân tộc thiểu số; 2025.
17. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh. Báo cáo về tình hình dạy học tiếng dân tộc thiểu số và nhu cầu phát triển đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; 2025.
18. Patrinos HA, Velez E. Costs and benefits of bilingual education in Guatemala: A partial analysis. *International Journal of Educational Development*. 2009;29(6):594–8. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ijedudev.2009.02.001>.
19. Bình HH. Về hiện trạng dạy chữ Khmer cho học sinh phổ thông và chương trình môn tiếng Khmer ở tiểu học và trung học cơ sở. *Giáo dục*. 2007;147(1 tháng 10):12–15.
20. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái; 2020.
21. Luyến BT. Truyện kể Khmer trong sách giáo khoa tiếng Khmer cấp tiểu học và một số kĩ thuật dạy học truyện kể cho học sinh. *Giáo dục*. 2022;22(7):7–13.

Bilingual Khmer-Vietnamese Education for Khmer Primary School Students in the Mekong Delta: Opportunities and Challenges

Duong Minh Quang*, Nguyen Van Tuong, Bach Thi Ngoc Dung, Nguyen Hong Phan



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Bilingual education is a widely adopted model in multilingual and multi-ethnic countries. In Vietnam, educational policies have promoted bilingual programs to preserve minority languages, including the Khmer language for Khmer students, while fostering proficiency in Vietnamese, the majority language. These programs aim to enable students to use both languages fluently and support the universalization of primary education. This study conducted semi-structured interviews with four school administrators and six teachers involved in bilingual education programs to examine the opportunities and challenges of Khmer-Vietnamese bilingual education for Khmer primary school students in three provinces of the Mekong Delta. The findings highlight opportunities, including the development of Khmer and Vietnamese language skills, the preservation and promotion of Khmer cultural values, and the enhancement of multicultural connections among Khmer students. However, challenges were also identified, such as shortages of qualified teaching staff, limited teaching materials, and insufficient instructional time for the Khmer language. The study discusses these findings and their implications for bilingual education policy and practice.

Key words: bilingual education, opportunities and challenges Khmer-Vietnamese, primary school students

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM

Correspondence

Duong Minh Quang, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM

Email: duongminhquang@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 12-05-2025
- Revised: 14-11-2025
- Accepted: 09-03-2026
- Published Online: x

DOI : x



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Quang D M, Tuong N V, Dung B T N, Phan N H. **Bilingual Khmer-Vietnamese Education for Khmer Primary School Students in the Mekong Delta: Opportunities and Challenges.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026; 10(2):xxxx-xxxx.